

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH LỤC
TỈNH HÀ NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23/3/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LỤC, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan và bà Nguyễn Thị Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Giang Yên - Thư ký Tòa án

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 39/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị Ng, sinh năm 1983; nơi đăng ký HKTT: Thôn 1 C, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Thôn 1 Ng, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn Kh, sinh năm 1979; nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn 1 C, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đào Thị Ng trình bày:

Chị và anh Trần Văn Kh kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam ngày 16/7/2001. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng nhau, anh Kh ghen bóng, ghen gió với chị và chửi, đánh đập chị nhiều lần. Ngoài ra, vợ chồng bất đồng quan

điểm sống, nuôi dạy con cái làm cho vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ nhiều lần, anh Kh lên xin lỗi, chị lại về chung sống nhưng vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn. Đến năm 2019, chị đã bỏ hẳn về nhà bố mẹ đẻ ở thôn 1 Ng, xã B sống cho đến nay. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Trần Văn Kh.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/12/2022 và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Văn Kh trình bày:

Anh và chị Đào Thị Ng kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam ngày 16/7/2001. Sau khi kết hôn vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng đến năm 2019 thì chị Ng bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn 1 Ng, xã B ở. Anh nghi ngờ chị Ng có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai, đến đời sống chung vợ chồng. Nay chị Ng xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Chị Ng, anh Kh xác định vợ chồng có 03 con chung là các cháu Trần Văn D, sinh ngày 23/11/2001; Trần Mai L, sinh ngày 31/03/2008 và Trần Thị Thùy D1, sinh ngày 14/10/2015. Ly hôn, chị Ng, anh Kh thống nhất cháu D đã trưởng thành lao động tự lập, ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết còn cháu D1 và cháu L thì chị Ng nuôi dưỡng cháu D1, anh Kh nuôi dưỡng cháu L. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Ng với anh Kh kết hôn ngày 16/7/2001 nhưng đến ngày 23/11/2001 sinh cháu D, anh chị yêu thương nhau và mang thai trước khi đăng ký kết hôn, chị Ng, anh Kh đều xác định cháu D là con chung của vợ, chồng.

Về tài sản chung: Chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Kh xác định vợ chồng có tài sản chung là 1,3 tỷ tiền mặt VND; nhà, đất của hai vợ chồng trị giá 1,5 tỷ đồng. Cụ thể: đất khoảng 210m², tờ, thửa anh không nhớ, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất có một ngôi nhà 2 tầng, diện tích mỗi sàn là 50m², xây năm nào anh không nhớ, thời điểm xây hết khoảng 500 triệu đồng. Tổng tài sản chung của vợ chồng là 2,8 tỷ đồng. Hiện, chị Ng đang quản lý số tiền 1,3 tỷ đồng còn nhà, đất anh đang quản lý, sử dụng. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao chị Ng quản lý, sử dụng số tiền 1,3 tỷ đồng còn anh được quản lý, sử dụng nhà, đất; hai bên không phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho nhau.

Về tài sản riêng, công nợ, công sức, trợ cấp khó khăn sau ly hôn, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Chị Ng và anh Kh đều xác định không có, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ

lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Không vi phạm; Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Đào Thị Ng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Trần Văn Kh chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Ng với anh Kh. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Ng và anh Kh.

2. Về con chung, giao cháu Trần Thị Thùy D1 cho chị Ng nuôi dưỡng, chăm sóc; Giao cháu Trần Mai L cho anh Kh nuôi dưỡng, chăm sóc. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Chị Ng không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập; Anh Kh đề nghị chia tài sản chung của vợ, chồng và không nộp cho Tòa án Biên lai thu tiền tạm ứng án phí nên không có căn cứ để thụ lý giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn: Anh, chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

5. Về đất nông nghiệp: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

6. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Ng, anh Kh phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đào Thị Ng xin ly hôn anh Trần Văn Kh, đây là quan hệ pháp luật về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Kh có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn 1 C, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị Ng và anh Trần Văn Kh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 16/7/2001 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng nhau, anh Kh nghi ngờ chị Ng có quan hệ ngoại tình với người khác. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị Ng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Ng xin ly hôn, anh Kh nhất trí. Tại biên bản làm việc giữa Tòa án với chính quyền địa phương xã B thì địa phương có quan điểm khả năng đoàn tụ của chị Ng, anh Kh là khó và đề nghị Tòa án giải quyết việc anh, chị ly hôn theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được vì vậy xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Ng và anh Kh là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Ng, anh Kh xác định vợ chồng có 03 con chung là các cháu Trần Văn D, sinh ngày 23/11/2001; Trần Mai L, sinh ngày 31/03/2008; Trần Thị Thùy D1, sinh ngày 14/10/2015. Ly hôn, chị Ng, anh Kh thống nhất, cháu D đã trưởng thành lao động tự lập, ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu D1, cháu L thì chị Ng nuôi dưỡng cháu D1, anh Kh nuôi dưỡng cháu L. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng, chị Ng, anh Kh đều có chỗ ở ổn định, thu nhập và khả năng chăm sóc, giáo dục con của anh, chị là ngang nhau. Hiện cháu L, cháu D1 khỏe mạnh, phát triển bình thường. Do vậy để ổn định cuộc sống, đảm bảo quyền lợi và nguyện vọng của hai cháu L, D1; Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị Ng, anh Kh; giao cho chị Ng nuôi dưỡng cháu D1, anh Kh nuôi dưỡng cháu L. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản chung: Đối với yêu cầu của anh Kh về việc đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung vợ chồng là 1,3 tỷ tiền mặt VND; nhà, đất của hai vợ chồng trị giá 1,5 tỷ đồng. Cụ thể: đất khoảng 210m², tờ, thửa anh không nhớ, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất có một ngôi nhà 2 tầng, diện tích mỗi sàn là 50m², xây năm nào anh không nhớ, thời điểm xây hết khoảng 500 triệu đồng. Tổng tài sản chung của vợ chồng là 2,8 tỷ đồng. Hiện, chị Ng đang quản lý số tiền 1,3 tỷ đồng còn nhà, đất anh đang quản lý, sử dụng. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao chị Ng quản lý, sử dụng số tiền 1,3 tỷ đồng còn anh được quản lý, sử dụng nhà, đất; hai bên không phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho nhau.

Hội đồng xét xử thấy rằng, do nguyên đơn chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên anh Kh yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng thì anh phải nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại các Điều 195, 200 và 202 Bộ luật tố tụng dân sự do anh Kh không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải nộp tiền tạm ứng án phí. Tuy nhiên, sau khi được Tòa án giao thông báo nộp tiền tạm ứng án phí hợp lệ anh Kh không nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí mà không có lý do chính đáng, như vậy anh Kh đã từ bỏ yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của anh. Ngày 23/12/2022 Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam đã ban hành Thông báo số 01/TB-TA với nội dung: không thụ lý giải quyết yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng là 1,3 tỷ tiền mặt VNĐ và nhà, đất của vợ chồng trị giá 1,5 tỷ đồng của anh là đúng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử cũng không xem xét giải quyết đối với yêu cầu trên của anh Kh. Anh Kh có quyền khởi kiện để xem xét giải quyết đối với yêu cầu của anh bằng một vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do chị Ng, anh Kh đều không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đào Thị Ng, anh Trần Văn Kh; mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Chị Ng xin chịu toàn bộ án phí cả phần của anh Khiêu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đào Thị Ng và anh Trần Văn Kh.

2. Về con chung: Giao cho chị Đào Thị Ng nuôi dưỡng cháu Trần Thị Thùy D1, sinh ngày 14/10/2015; anh Trần Văn Kh nuôi dưỡng cháu Trần Mai L, sinh ngày 31/03/2008. Chị Ng, anh Kh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Ng, anh Kh cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh chị trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục các cháu Trần Mai L và Trần Thị Thùy D1.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đào Thị Ng chịu toàn bộ án phí cả phần của anh Trần Văn Kh. Chuyển số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Ng đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số AA/2021/0000485 ngày 15/11/2022 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà anh, chị phải nộp (chị Ng, anh Kh đã thi hành xong tiền án phí ly hôn sơ thẩm).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Đào Thị Ng, anh Trần Văn Kh có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Bình Lục;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã B, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hằng